

MỤC LỤC

MỤC LỤC.....	i
PHẦN MỞ ĐẦU.....	iv
1. Lý do lựa chọn đề tài.....	iv
2. Đối tượng nghiên cứu.....	iv
3. Mục tiêu nghiên cứu.....	iv
4. Tổng quan tài liệu.....	iv
5. Phương pháp nghiên cứu.....	v
6. Câu hỏi nghiên cứu.....	v
PHẦN NỘI DUNG	1
CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN	1
1.1. Đặc khu kinh tế (SEZs) là gì?	1
1.2. Mối quan hệ giữa thể chế và SEZs.....	2
CHƯƠNG 2: PHÂN TÍCH CHÍNH SÁCH.....	3
2.1. Phân tích thành công và thất bại của SEZs ở nước ngoài.....	3
2.1. Chính sách cho SEZs tại Việt Nam.....	11
CHƯƠNG 3 : ĐỀ XUẤT, GIẢI PHÁP CHO VIỆT NAM.....	15
3.1. Đối với Nhà nước.....	15
3.2. Đối với các địa phương.....	16
3.3. Đối với các doanh nghiệp.....	17
KẾT LUẬN	19
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	20

cuu duong than cong. com

cuu.duong.than.cong.com

cuu.duong.than.cong.com

--

STT	Họ và tên	Nội dung phụ trách	Phần trăm đóng góp
1	Hoàng Cẩm Anh	Đặc điểm kinh tế xã hội có nét gì tương đồng, khác biệt	9
2	Nguyễn Thị Phương Anh	Các đặc khu thành công nổi tiếng và phân tích nguyên nhân thành công Đề xuất cho Việt Nam	10
3	Dương Thị Mỹ Hạnh	Các yếu tố cần khắc phục để thành công	9
4	Nguyễn Hồng Hoàn	Các đặc khu thất bại và nêu nguyên nhân thất bại	9
5	Nguyễn Huy Hoàng	Lý do chọn đề tài, tổng quan tài liệu, phần mở đầu, kết luận, tổng hợp bài nhóm	10
6	Tô Thị Ngọc Lan	Thực trạng SEZs tại nước ngoài	9
7	Lê Thị Thùy Linh	Quan điểm của dư luận trong nước và các nhà nghiên cứu về chính sách này	9
8	Nguyễn Đăng Nghĩa	SEZs tại Việt Nam	9
9	Nguyễn Thanh Quang	SEZs tại Việt Nam	8
10	Bùi Thị Ngọc Trâm	Kế thừa phát huy	9
11	Hoàng Minh Vũ	Cơ sở lý luận	9
			Tổng: 100%

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Lý do lựa chọn đề tài đề tài

Hiện nay, khái niệm đặc khu kinh tế không còn là xa lạ. Trên thế giới, ước tính rằng, hiện có tới 3.000 đặc khu kinh tế ở 116 nền kinh tế với khoảng 43 triệu người làm việc. Một số đặc khu thành công được nhiều người biết tới như: Thâm Quyển (Trung Quốc), Dubai (UAE), ... Kết luận số 74-KL/TW ngày 17/10/2013 của Hội nghị Trung ương lần thứ 8 khóa XI đã ghi rõ: “Sớm xây dựng, phê duyệt, triển khai thực hiện một số đề án thành lập khu hành chính - kinh tế đặc biệt.” (Việt Nam đã quyết định chọn Vân Đồn - Quảng Ninh, Vân Phong - Khánh Hòa và Phú Quốc - Kiên Giang trở thành 3 mô hình thí điểm đầu tiên). Mới đây, trong Dự thảo Luật Tổ chức chính quyền địa phương của chính phủ trình quốc hội ngày 9/4/2015 điều 151 – 153 đã đề cập riêng về chính quyền địa phương ở đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt. Những điều trên cho thấy, Việt Nam đã có sự quan tâm nhất định tới việc mở ra khung pháp lý cần thiết để xây dựng các đặc khu kinh tế. Tuy đã đề cập tới việc thành lập đặc khu kinh tế cũng như chọn được địa điểm để thực hiện nhưng Việt Nam vẫn chưa có một hướng đi cụ thể cho việc xây dựng các đặc khu này. Vì vậy, việc nghiên cứu các đặc khu đã thành công và thất bại trên thế giới là vô cùng cần thiết để có thể rút ra bài học kinh nghiệm, cũng như đưa ra đề xuất những chính sách cần thiết để Việt Nam có được những đặc khu thành công.

2. Đối tượng nghiên cứu

- Các đặc khu thành công, thất bại trên thế giới và chính sách đã được các nước áp dụng trong việc xây dựng đặc khu
- Các đặc khu kinh tế được thành lập tại Việt Nam và các chính sách đi kèm với việc thành lập đặc khu

3. Mục tiêu nghiên cứu

- Tìm hiểu về các đặc khu trên thế giới cũng như những chính sách đã được áp dụng cho các đặc khu này; Lý giải được nguyên nhân thành công, thất bại của các đặc khu kinh tế điển hình được đề cập trong bài nghiên cứu.
- Phân tích các chính sách đã được đề ra cho việc thành lập các đặc khu kinh tế ở Việt Nam; dựa trên kinh nghiệm của các đặc khu trên thế giới để đề xuất hướng đi đúng đắn cho việc xây dựng đặc khu kinh tế tại Việt Nam

4. Tổng quan tài liệu

- Hứa Thanh Bình (1/2015) “*Sự phát triển đặc khu kinh tế Thâm Quyển Trung Quốc – gợi ý kinh nghiệm đối với Việt Nam*”, Tạp chí Nghiên cứu kinh tế số 440. Bài nghiên cứu đã chỉ ra quá trình phát triển đặc khu kinh tế Thâm Quyển

Trung Quốc, những chính sách mà Trung Quốc đã áp dụng để có được một đặc khu thành công như vậy. Từ việc nghiên cứu đặc khu này tác giả đã nêu lên những kinh nghiệm mà Việt Nam có thể học hỏi để có được một đặc khu thành công.

- Douglas Zhihua Zeng (7/2014) *“China and Africa’s Experiences with Special Economic Zones: What Can We Learn?”* Nghiên cứu này tóm tắt quá trình hình thành và chỉ ra thực trạng SEZs ở Trung Quốc và SEZs ở châu Phi tính đến năm 2014. Qua đó, tác giả đưa ra những kết luận về các yếu tố tác động đến thành công/thất bại của các SEZs này. Bài nghiên cứu chỉ rõ ra các bài học kinh nghiệm được rút ra từ chính sách ưu đãi, thể chế, việc lựa chọn đặt khu vực xây dựng, tầm quan trọng của nguồn vốn đầu tư nước ngoài trong việc xây dựng phát triển SEZs.

- GS. Tùng Bùi (08/04/2014) *“Những cơ hội và thách thức cho các đặc khu kinh tế Việt Nam”*. Bài viết nêu lên cái nhìn tổng quan về đặc khu kinh tế trên thế giới nguyên nhân thành công của các đặc khu cũng như những bài học và giải pháp cho Việt Nam trong việc thành lập đặc khu

- Tài liệu hội thảo IMECS 2014 (12-14/3/2014): P. Pakdeenurit và cộng sự *“Special Economic Zone: Facts, Roles, and Opportunities of Investment”*. Bài nghiên cứu trình bày tổng quát cái nhìn về SEZs trên toàn thế giới với sự nhấn mạnh tầm quan trọng của SEZs trong việc thúc đẩy sự thịnh vượng phát triển kinh tế toàn đất nước. Bài chỉ rõ các yếu tố tác động trực tiếp đến thành công, thất bại của các SEZs như điều kiện tự nhiên, vị trí địa lý, cơ sở hạ tầng, chính sách thể chế. Đặc biệt, bài đi sâu vào phân tích 3 quốc gia tiên phong, dẫn đầu về xây dựng SEZs trên thế giới là Mỹ, Thâm Quyển Trung Quốc và Ấn Độ. Bài viết nêu rõ nhưng hạn chế, lợi ích của việc thành lập SEZs cũng như trình bày cụ thể về những chính sách ưu đãi, rào cản chính trị, luật lệ đặc biệt của SEZs này.

5. Phương pháp nghiên cứu:

Phân tích, tổng hợp tài liệu liên quan; Suy luận logic

6. Câu hỏi nghiên cứu

- Tình hình, bối cảnh của vấn đề chính sách... vấn đề nổi lên cần phải giải quyết là gì?
- Các vị lãnh đạo, chuyên gia, người dân... đã nói gì về vấn đề này?
- Nhận xét, đánh giá quan điểm, tính khả thi của những giải pháp mà các chuyên gia, lãnh đạo đã nêu. Nêu quan điểm và giải pháp của nhóm.

PHẦN NỘI DUNG

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN

1.1. Đặc khu kinh tế (SEZs) là gì?

Đặc khu kinh tế, hay khu kinh tế tự do, khu kinh tế mở... dù mang các tên khác nhau, nhưng đều giống nhau về bản chất. Đó là khu kinh tế trong đó được hưởng các chính sách ưu đãi (như thuế, hạn ngạch, chính sách đầu tư, tính tự chủ trong hoạt động chính sách...) nhằm cho phép nó trở thành cửa ngõ để thu hút vốn đầu tư, tiếp nhận kỹ thuật và kinh nghiệm quản lý tiên tiến, đồng thời khai thác một cách có hiệu quả mọi tiềm năng tự nhiên và con người để phát triển.

1.1.1. Khái niệm

Đặc khu kinh tế (Special Economic Zone- SEZ) là một bộ phận của quốc gia được quốc hội chấp thuận xây dựng với không gian kinh tế - xã hội riêng biệt, được vận hành bởi khung pháp lý riêng thích hợp cho phát triển theo cơ chế thị trường phù hợp với thông lệ quốc tế.

1.1.2. Đặc điểm cơ bản

- Quản lý nhà nước đối với hoạt động của SEZ theo cơ chế “một cửa và mở” được Quốc hội và Trung ương trao quyền quản lý rộng (thậm chí hơn cấp tỉnh): cấp giấy phép hoạt động tài chính, ngân hàng, dịch vụ bưu chính viễn thông, cấp thị thực xuất nhập cảnh,...
- SEZ có khung pháp lý riêng mang tính đặc thù khác với nội địa như: hoạt động thương mại với nước ngoài được miễn thuế; dễ dàng chuyển nhượng, thế chấp quyền sử dụng đất; cho phép nước ngoài mở chi nhánh doanh nghiệp,...
- Ngành nghề hoạt động trong SEZ đa dạng: công nghiệp, thương mại, dịch vụ xây dựng, vận tải, công nghệ cao, kinh doanh kho, bảo hiểm; có cả các trường đào tạo nguồn nhân lực cung cấp cho SEZ.
- Trong SEZ có dân cư sinh sống và hình thành các thị trường như: thị trường chứng khoán, thị trường bất động sản, thị trường lao động, thị trường tài chính,... hoạt động hoàn toàn theo cơ chế thị trường.
- Không quy định thời hạn hoạt động của các doanh nghiệp trong SEZ, kể cả các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.
- Các doanh nghiệp hoạt động trong SEZ được hưởng các ưu đãi đặc biệt về các thủ tục hành chính, về thuế, về tiền thuê đất...
- Hạn chế đến mức tối thiểu việc can thiệp của nhà nước trung ương đến hoạt động kinh tế mang tính đặc biệt của SEZ (trừ trường hợp ảnh hưởng quá bất lợi đến kinh tế nội địa).

1.2. **Mối quan hệ giữa thể chế và SEZs**

Trước hết, cần phải hiểu đặc khu kinh tế là một khu vực kinh tế trong một nền kinh tế của một quốc gia, trong đó có cơ chế, thể chế đặc biệt để tạo ra những điều kiện thuận lợi nhất cho sản xuất kinh doanh, đầu tư; nhằm hướng đến đạt ba mục đích: tạo nguồn lực để phát triển kinh tế; nhân rộng, tạo cơ chế chung cho nền kinh tế; tạo sự lan tỏa cho cả nền kinh tế ở các lĩnh vực.

Thời gian qua, Việt Nam đã mở cửa nền kinh tế rất nhiều. Mặc dù cơ chế mở cửa theo các Hiệp định thương mại tự do đã bị xóa nhòa nhưng thực tế vẫn còn những rào cản nội tại bên trong, của từng nền kinh tế, liên quan đến thể chế chính trị, bộ máy xã hội, bộ máy hành chính... Những điều này thường không nằm hoặc chỉ nằm rất sơ bộ trong các cam kết của các Hiệp định thương mại tự do, nhưng nó lại có tác động rất mạnh đối với thể chế hành chính, hoàn cảnh đầu tư, môi trường đầu tư, điều kiện đầu tư... tới các doanh nghiệp, các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong nền kinh tế.

Thứ hai, tùy theo đặc thù của từng quốc gia và tùy thuộc từng loại hình đầu tư mà các cam kết thương mại tự do khó can thiệp vào thể chế quốc gia, văn hóa, truyền thống, ứng xử xã hội... để chấp nhận và phát triển tự do các loại hình đầu tư đó.

Ngoài ra, còn có một số vấn đề khác mà sự phát triển của mô hình đặc khu kinh tế sẽ mang đến tác động kinh tế tốt hơn như thể chế hóa tốt hơn sẽ góp phần thúc đẩy, phát huy thể chế của toàn nền kinh tế. Chung quy, thể chế tốt, thích ứng hệ thống chính trị, thích ứng điều kiện nền kinh tế hiện tại, tạo điều kiện đầu tư... vẫn có một điểm đến, đích cuối cùng là tạo ra cú hích mới, động lực mới cho cả nền kinh tế. Đó mới chính là điều đáng xem xét và mọi đặc khu kinh tế muốn quy hoạch, xây dựng, phát triển đều phải dựa cái đích đến cuối cùng, vì đích đến đó.

Với các yếu tố như vậy thì việc phát triển những đặc khu kinh tế gắn với thể chế đặc biệt trở nên cần thiết. Việt Nam chúng ta cũng đã tham gia các Hiệp định thương mại tự do và độ mở của nền kinh tế khá lớn, như vậy vẫn cần có những đặc khu. Tính mục đích rõ ràng của từng đặc khu kinh tế phải gắn liền với sự thu hút nguồn lực để tạo sự lan tỏa từ vị trí địa phương lên liên kết vùng và cả nền kinh tế, cải thiện, nâng cấp từ nguồn lực tài chính, công nghệ, vốn, kỹ năng quản trị, định hướng phát triển... cho cả nền kinh tế. Muốn đi sau, về trước, các đặc khu kinh tế của Việt Nam phải hướng về đột phá thể chế hóa.

CHƯƠNG 2: PHÂN TÍCH CHÍNH SÁCH

2.1. Phân tích thành công và thất bại của SEZs ở nước ngoài

2.1.1. Các đặc khu thành công nổi tiếng và phân tích nguyên nhân thành công

Trong khu vực và trên thế giới, mô hình đặc khu kinh tế phát triển khá mạnh mẽ, với các điển hình ở Thâm Quyển (Trung Quốc), Dubai (Các tiểu vương quốc Ả rập thống nhất) hoặc tại Singapore, Ấn Độ. Các đặc khu này góp phần thu hút hàng nghìn tỷ USD vốn đầu tư nước ngoài, trở thành cực tăng trưởng, cực phát triển có sức lan tỏa, tạo động lực cho cả nền kinh tế phát triển.

Các SEZs thành công trên thế giới đều dựa vào các thế mạnh nổi trội của mình mà tạo ra thương hiệu có sức hấp dẫn mạnh mẽ. Trong số nhiều ví dụ để lại những bài học kinh nghiệm đáng suy nghĩ và hành động, có thể kể tới 3 SEZs rất ấn tượng trên thế giới trong vài thập kỷ gần đây, đó là Thâm Quyển (Trung Quốc), Dubai (Các Tiểu vương quốc Ả rập Thống nhất) và Incheon (Hàn Quốc). Nằm cận kề Hồng Kông (và không xa Macau), với những quy định thể chế đặc biệt mang tính thử nghiệm để chuyển sang kinh tế thị trường, Thâm Quyển đã thu hút được phần lớn các tập đoàn kinh tế lớn trên thế giới và đạt tốc độ phát triển cực nhanh “Mỗi ngày một cao ốc, ba ngày một đại lộ”, quy mô lớn, rất hiện đại là những nét đặc trưng làm nên thương hiệu của SEZs ven biển Thâm Quyển.

Trong khi đó, SEZs ven biển Dubai lại đặc trưng bởi tốc độ phát triển nhanh và những kỷ lục, sự sang trọng và trình độ quốc tế về thể chế. SEZs tự do Incheon (Hàn Quốc), nằm cách Thủ đô Seoul khoảng 1 giờ xe oto, có diện tích 209 km² (bằng 1/3 Seoul hay Singapore), được xây dựng nhằm thu hút đầu tư nước ngoài để xây dựng thành trung tâm dịch vụ hậu cần (logistics), kinh doanh, nghỉ dưỡng và du lịch quốc tế của cả vùng Đông Bắc Á. Việc thiết kế SEZs tự do với những tiêu chuẩn hiện đại nhất thế giới nhằm mục tiêu thu hút đầu tư nước ngoài là một sự đột phá về chính sách của Hàn Quốc, chỉ xuất hiện trong quá trình tái cơ cấu nền kinh tế sau cuộc khủng hoảng kinh tế - tài chính châu á hồi năm 1997-1998.

Để làm rõ các yếu tố tác động đến thành công của việc xây dựng và phát triển các đặc khu kinh tế, bài phân tích chọn lấy ví dụ điển hình các SEZs thành công ở Trung Quốc.

Chọn Trung Quốc là ví dụ cụ thể bởi đặc điểm kinh tế, xã hội của Việt Nam có những nét tương đồng đặc trưng, cụ thể qua bảng so sánh sau:

	Kinh tế	Xã hội
Giống nhau	<ul style="list-style-type: none"> - Vào năm 1992, so với Trung Quốc, Việt Nam có dân số bằng 6%, tổng sản phẩm quốc gia (GDP) bằng 2%, GDP bình quân đầu người bằng 34% và xuất khẩu bằng 3%. Tuy khác nhau về kích thước, hai nước có nhiều đặc điểm giống nhau: Về nông nghiệp, vào thời điểm cải cách – năm 1984 ở Trung Quốc và năm 1989 ở Việt Nam – nông nghiệp giữ vai trò chủ chốt trong nền kinh tế. - Về kinh tế đối ngoại: nhấn mạnh xuất khẩu và khuyến khích nước ngoài đầu tư. Theo số liệu Bộ Công thương Việt Nam: Tỷ lệ xuất khẩu so với GDP ở Việt Nam có phần cao hơn so với Trung Quốc, 25% so với 19%. Còn tỷ lệ đầu tư nước ngoài so với GDP thì tương đương. - Về giá cả: đều chấp nhận giá cả thị trường. - Khu vực kinh tế quốc doanh đều thiếu hiệu quả sản xuất, chỉ có khoảng 30-40% số xí nghiệp quốc doanh làm ăn có lãi. - Về chính sách kinh tế nói chung: khuyến khích kinh tế thị trường và tư bản tư nhân. 	<ul style="list-style-type: none"> - Chính quyền đóng vai trò chủ đạo - Có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc - Chú trọng chủ nghĩa tập thể, với tinh thần bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp đỡ nhau cùng phát triển
Khác nhau	<ul style="list-style-type: none"> - Trung Quốc có một nền công nghiệp phát triển hơn Việt Nam. Ví dụ theo số liệu Bộ Công thương Việt Nam: dù công nghiệp đều chiếm % lớn trong thống kê về hàng hóa xuất khẩu; thì trong năm 2014, Trung Quốc có giá trị xuất khẩu khoảng 4303 tỉ USD, còn Việt Nam là 150 tỉ USD. - Hiện nay Việt Nam đã tập trung việc thu thuế vào chính quyền trung ương thông qua Bộ tài chính. Việc tập trung thu thuế vào tay nhà nước trung ương ở Việt Nam sẽ giúp củng cố chính quyền trung ương, cho phép phân phối lại lợi tức từ vùng giàu sang vùng nghèo. Ngược lại, ở Trung Quốc sự phân biệt giàu nghèo giữa các vùng có thể ngày càng lớn hơn. - Với hoạt động kinh tế ngoài quốc doanh, Trung Quốc có chính sách nhấn mạnh đến phát triển xí nghiệp tập thể trong sản xuất công nghiệp đặc biệt là ở nông thôn, trong khi Việt Nam chỉ nhấn mạnh đến kinh tế hộ gia đình. - Về phát triển các khu vực: Hiện nay, Trung Quốc đang theo đuổi chính sách mà trong đó ngành công nghiệp khu vực 1, khu vực 2 và khu vực 3 phát triển đồng đều, nhất là phải phát triển ngành dịch vụ. Trong khi đó, Việt Nam lại lựa chọn các ngành tập trung ưu tiên; thúc đẩy phát triển ngành dịch vụ; phát triển công nghiệp hỗ trợ; và đổi mới công nghệ => chú trọng công nghiệp; giảm bớt nông nghiệp lạc hậu 	<ul style="list-style-type: none"> - Ở Việt Nam, các tổ chức xã hội đóng vai trò năng động tích cực hơn so với nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung. Các tổ chức xã hội không phải là kênh biệt lập với hệ thống chính trị mà ngày càng tham gia mạnh mẽ, tác động lớn lao đến kết quả hoạt động của hệ thống chính trị. - Ở Trung Quốc, các tổ chức xã hội chịu sự kiểm soát gắt gao hơn, đặt dưới vai trò lãnh đạo của Đảng và Nhà nước.

Vì những điểm khác nhau như trên nên việc phân tích các yếu tố tác động dẫn đến thành công SEZs ở Trung Quốc dưới đây chỉ mang tính nhận định, tham khảo để từ đó đúc rút bài học kinh nghiệm áp dụng cho Việt Nam với những thay đổi linh hoạt phù hợp với điều kiện tự nhiên, điều kiện kinh tế xã hội của Việt Nam.

Phân phân tích thành công đặc khu kinh tế ở Trung Quốc

a. Năm vững tình hình trong nước và xu hướng phát triển của thế giới, xác định chiến lược phát triển tối ưu, ra quyết định đúng đắn.

Vào thời điểm cuối những năm 1970 của thế kỷ XX, trước hiện trạng một nền kinh tế quốc dân lâm vào suy thoái nghiêm trọng, một trào lưu kinh tế mới đang xuất hiện trên thế giới, chính phủ Trung Quốc đã nhanh chóng nhìn nhận lại con đường phát triển của mình. Đây là thời điểm các nền kinh tế phát triển trên thế giới chuyển từ đầu tư cho công nghiệp nặng sang xu hướng đưa vốn đầu tư ra nước ngoài, chủ yếu tới các nước kém phát triển hơn, nhằm chuyển giao những công nghệ đã phần nào lạc hậu, và lợi dụng nguồn lao động, nguyên liệu tại chỗ với giá rẻ. Xuất phát từ những thực tế này, các nhà lãnh đạo Trung Quốc đã xây dựng các chính sách phát triển kinh tế, tiến hành cải cách kinh tế, mở cửa thị trường, phá bỏ hình thức “bế quan toả cảng” trong quan hệ kinh tế đối ngoại. Hiểu rõ xu thế vận động quốc tế, Trung Quốc đã chính thức khẳng định xây dựng một nền kinh tế hướng ngoại, ưu tiên số một cho xuất khẩu hoặc sử dụng công nghệ cao. Các nhà lãnh đạo Trung Quốc đã sử dụng một mô hình kinh tế hoàn toàn mới để kết hợp tiềm năng trong nước và xu thế quốc tế - mô hình đặc khu kinh tế. SEZs xuất hiện ở Trung Quốc trong những năm đầu thập kỷ 80 nhanh chóng trở thành chiếc cầu nối những luồng tư bản khổng lồ từ các nước tư bản và các nước công nghiệp mới, với một thị trường lao động và tiêu thụ hàng hoá đông dân. Mặc dù SEZs chỉ triển khai là một mô hình thử nghiệm nhưng nó đã giành được nhiều thành công lớn. Đó là do chính phủ Trung Quốc đã nhạy bén trong việc nắm vững tình hình trong và ngoài nước, đón được xu hướng vận động của thời đại, từ đó đề ra chiến lược phát triển đúng đắn và kịp thời.

b. Đi từng bước thận trọng trong việc xây dựng và mở rộng đặc khu kinh tế

Không phải ngay lập tức Trung Quốc vạch ra được mô hình đầy đủ và hoàn thiện của các SEZs. Hai đặc khu Thâm Quyển và Chu Hải ra đời từ năm 1980, nhưng đã thất bại trong thu hút vốn đầu tư nước ngoài trước các đối thủ cạnh tranh. Với quyết tâm lớn của các nhà lãnh đạo Đảng và Nhà nước, Trung Quốc

đã kiên trì cải cách, mở cửa kinh tế. Bằng liệu pháp làm thử để tìm hiểu và hoàn thiện nhận thức, triển khai phạm vi áp dụng khi điều kiện cho phép, Trung Quốc đã cho ra đời các “phòng thí nghiệm”: SEZs đã hình thành trên cơ sở những ý tưởng như vậy. Tại đây, các chính sách cải cách được áp dụng thí điểm, nếu thành công sẽ mở rộng, còn nếu thất bại, phạm vi ảnh hưởng cũng đã được khoanh vùng.

Đặc điểm nổi bật của Trung Quốc là kiên trì đường lối cải cách, xây dựng nền kinh tế mở có chiều lượng, phát triển từ dễ đến khó, từ nơi có điều kiện thuận lợi đến các nơi khác, vừa làm vừa tìm hiểu vừa đúc rút kinh nghiệm cả về nhận thức, cả trong thực tế quản lý đất nước.

c. *Lựa chọn vị trí địa lý thuận lợi*

Yếu tố vị trí địa lý là yếu tố then chốt ảnh hưởng trực tiếp đến thành công của các đặc khu kinh tế. Trung Quốc đặc biệt chú trọng tới việc lựa chọn địa điểm xây dựng đặc khu. Các khu vực được chọn ở gần các tuyến giao thông đường bộ, đường biển, đường hàng không, tạo ra cửa ngõ nối liền kinh tế nội địa với kinh tế thế giới.

Trung Quốc đã đánh giá đúng tiềm năng của khu vực ven biển phía Đông Nam. Đây là nơi có nhiều thuận lợi về: vị trí địa lý, có truyền thống buôn bán với bên ngoài, trình độ phát triển kinh tế cao, giá trị tổng sản lượng công nghiệp chiếm trên 50% cả nước, vì thế đây là vùng có điều kiện đi đầu trong chính sách mở cửa. Mặt khác, những nơi này có lợi thế là gần với Hồng Kông, Đài Loan, Ma Cao - những trung tâm thương mại và tài chính lớn của thế giới. Ví dụ như Thâm Quyến. Thâm Quyến ban đầu được xây dựng trên khu đất của một làng chài đánh cá ven sông, thành công của đặc khu Thâm Quyến gắn chặt với địa lý của nó, nằm dọc theo bờ biển phía Nam thuộc tỉnh Quảng Đông. Phía Đông giáp Vịnh Đại Bàng, có cảng nước sâu, phía Tây giáp với cửa sông Châu giang, phía Nam giáp Hồng Kông. Thâm Quyến cách Quảng Châu 147 km, cách Châu Long 32 km và cách Hồng Kông chỉ khoảng nửa giờ đi tàu thủy. Hay Chu Hải đối diện Ma Cao, cách Hồng Kông 50 km đường biển; Hạ Môn đối diện với Đài Loan; Sán Đầu là quê hương của hơn 10 triệu Hoa kiều và đã có lịch sử buôn bán với nước ngoài hơn 100 năm.

Ngoài ra, các khu vực này nằm ở vùng ven biển, là nơi tiếp giáp với các nền kinh tế năng động nhất khu vực Châu Á trong thập kỷ 80 –90 như Nhật Bản, ASEAN. Điều này tạo thuận lợi lớn trong đón nhận và chớp lấy thời cơ của chính phủ Trung Quốc trước xu thế toàn cầu hoá đang diễn ra ở mọi nơi trên thế giới.

d. Một mũi tên trúng hai đích: mượn gà đẻ trứng

Chính phủ Trung Quốc đã xác định rất rõ: cải cách hệ thống quản lý kinh tế, ưu tiên phát triển kinh tế hướng ngoại, lấy xuất khẩu làm chính để nhanh chóng đưa đất nước thoát khỏi tình trạng nghèo nàn lạc hậu. Nhưng vấn đề quan trọng nhất là phải tìm vốn ở đâu? Phương châm “mượn gà đẻ trứng” được đưa ra. Đó chính là nguồn vốn đầu tư, là sử dụng vốn, công nghệ, và kinh nghiệm quản lý tiên tiến của nước ngoài. Không những thế, Trung Quốc còn xác định rõ những nhà đầu tư –những “con gà cho mượn trứng”. Hơn hết, các đối tượng đầu tiên của chính sách thu hút vốn đầu tư nước ngoài chính là cộng đồng người Hoa đang sinh sống ở hải ngoại, là những nhà đầu tư Đài Loan, Hồng Kông, Ma Cao, tiếp sau đó là tất cả những doanh nhân có khả năng cung cấp công nghệ cao và kinh nghiệm quản lý tiên tiến. Như thế, Trung Quốc vừa chủ động thức tỉnh tinh thần dân tộc, vừa chứng tỏ cho Hoa kiều hải ngoại và thế giới biết rằng hơn 30 năm xây dựng kinh tế kế hoạch hoá tập trung quan liêu bao cấp chỉ còn là vấn đề của ngày hôm qua. Trung Quốc ngày nay đã quyết tâm mở cửa chào đón thế giới, sẵn sàng dành những thuận lợi nhất cho những ai góp công, góp của xây dựng Trung Quốc.

Không chỉ đề ra chính sách “mượn gà đẻ trứng” mà Trung Quốc còn chỉ rõ đối tượng cần thu hút vốn đầu tư, trên cơ sở đó mới có đối sách phù hợp với thực tế. Đây là chìa khoá thành công của Trung Quốc trong hơn hai thập kỷ qua.

e. Xây dựng cơ sở hạ tầng

Chính phủ Trung Quốc đã mạnh dạn đầu tư vào cơ sở hạ tầng như hệ thống cung cấp điện, nước, đường giao thông, sân bay, bến cảng, bưu chính viễn thông và chấp nhận mất một khoản chi phí lớn cùng rủi ro.

Để đẩy nhanh quá trình xây dựng SEZs trong giai đoạn đầu thành lập, chính quyền các đặc khu đã nghĩ ra nhiều cách thức huy động vốn bên cạnh nguồn kinh phí từ ngân sách Nhà nước. Các ngân hàng được khuyến khích tối đa trong việc huy động các nguồn vốn trong và ngoài đặc khu, đồng thời cũng tiến hành cho vay vốn trong đặc khu. Các công ty xây dựng cũng ra sức huy động vốn qua các hình thức tín dụng tài trợ dự án hoặc yêu cầu người có nhu cầu sử dụng cơ sở hạ tầng ứng trước một phần vốn để xây dựng. Và những kết quả cuối cùng về xây dựng cơ sở hạ tầng ở SEZs đã được các nhà đầu tư đánh giá là có chất lượng tốt, đáp ứng được nhu cầu đầu tư và giao dịch của SEZs.

f. Hoàn thiện hệ thống chính sách ưu đãi.

Để thu hút vốn đầu tư nước ngoài vào đặc khu, Trung Quốc đã đưa ra một loạt các chính sách ưu đãi hấp dẫn các nhà đầu tư, nhằm tạo một môi trường kinh doanh thông thoáng và thuận lợi.

Các chính sách ưu đãi ở đây không chỉ dừng lại ở các ưu đãi về thuế, mà còn ở các ưu tiên về thị trường tiêu thụ sản phẩm, chính sách thuê mướn lao động bản địa và quy định các mức lương, các ưu đãi về sử dụng đất, phân chia thu nhập tài chính, đơn giản hoá thủ tục hành chính đối với việc xuất nhập cảnh của nhà đầu tư nước ngoài... Nhờ việc hoàn thiện hệ thống luật và chính sách mà Trung Quốc đã tạo được lòng tin cho các nhà đầu tư.

g. Mạnh dạn thực hiện việc phân cấp quản lý

Việc trao quyền cho chính quyền SEZs thực hiện chủ động linh hoạt trong công tác quản lý. Tại SEZs, Trung ương đã từ bỏ việc can thiệp trực tiếp vào các vấn đề kinh tế của địa phương mà chỉ thống nhất quản lý ở tầm vĩ mô.

Trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc không vi phạm chính sách chung, không mâu thuẫn với lợi ích toàn cục, chính quyền đặc khu được trao quyền rất lớn, nhiều khi còn ngang bằng hoặc cao hơn cả cấp chính quyền tỉnh, trong đó có cả quyền lập pháp, hành pháp, quyền cấp giấy phép đầu tư, quyền quy hoạch và bán quyền sử dụng đất, quyền có ngân sách riêng... Chính quyền đặc khu cũng là nơi tiếp nhận, quản lý, giải quyết những khúc mắc của các nhà đầu tư trong suốt thời gian thực hiện dự án. Chính vì vậy, năng lực quản lý của các SEZs được nâng cao, góp phần vào việc điều tiết nền kinh tế đặc khu theo đúng cơ chế thị trường.

h. Chú trọng tới công tác đào tạo và sử dụng nhân lực

Nhận thức được tầm quan trọng của đặc khu, với quyết tâm cao độ của Trung ương và địa phương, Trung Quốc đã dốc hết sức vào việc xây dựng và phát triển đặc khu trong thời gian ngắn nhất. Không chỉ xây dựng được một hệ thống cơ sở hạ tầng đạt tiêu chuẩn mà đội ngũ cán bộ quản lý và những người lao động trực tiếp sản xuất cũng được tuyển chọn rất kỹ càng. Các cán bộ có năng lực được gửi đi học bồi dưỡng ở các trường đại học trong nước và nước ngoài. Đội ngũ công nhân sản xuất cũng luôn được tổ chức bồi dưỡng nâng cao trình độ tay nghề. Chính yếu tố con người đã quyết định phần lớn tới sự thành công của các SEZs.

i. Một đốm lửa nhỏ có thể đốt cháy cả cánh đồng

Chỉ sau khi thực hiện các cuộc khảo sát nghiên cứu khả thi một cách nghiêm túc và kỹ càng, đảm bảo chắc chắn thành công Trung Quốc mới ra quyết định

thành lập. Vì vậy số lượng các SEZs và các hình thức mở rộng của nó ở Trung Quốc là khá ít nhưng tỉ lệ thành công cao. Các mô hình mở rộng chỉ được phép thành lập ở những nơi hội tụ đủ các điều kiện về cơ sở hạ tầng, môi trường đầu tư và có nhiều thế mạnh trong hoạt động công nghiệp và thương mại.. Mặt khác, Trung Quốc kiên quyết huỷ bỏ những quyết định thành lập sai để tránh lãng phí. Điều đó thể hiện quan điểm thận trọng, vững chắc, phù hợp với thực tế đất nước, tạo điều kiện để các SEZs thực sự phát huy vai trò động lực kinh tế, nhanh chóng mang lại kết quả mong muốn.

2.1.2. Các đặc khu thất bại và nguyên nhân thất bại

Bên cạnh những đặc khu kinh tế thành công thì cũng không ít các đặc khu kinh tế thất bại trên thế giới. Theo ông Andrew Grant, Giám đốc hợp danh cao cấp, lãnh đạo khối khu vực công Tập đoàn MC Kinsey – Singapore cho biết có tới hơn 50% đặc khu kinh tế trên thế giới được xây dựng nhưng đều thất bại. Nguyên nhân thất bại có thể được giải thích như sau:

- Một số nước chọn địa điểm xây dựng đặc khu kinh tế không hợp lý, cơ cấu, tính chất ngành nghề, lĩnh vực đầu tư không phù hợp, mất cân đối, không tuân thủ quy hoạch đã xác định.
- Chính sách thiếu cạnh tranh, còn phụ thuộc quá nhiều vào các khuyến khích miễn giảm thuế, trong khi các công ty tận dụng lợi thế miễn thuế mà không góp phần tạo việc làm mới hay thúc đẩy xuất khẩu, bóp méo cạnh tranh lành mạnh, kinh tế phát triển kém hiệu quả.
- Hiệu quả hoạt động xúc tiến đầu tư quảng bá hình ảnh thấp, không thu hút được khoản đầu tư từ các nhà đầu tư chiến lược có tiềm lực tài chính mạnh để tạo hiệu ứng lan tỏa, xây dựng niềm tin, thu hút các nhà đầu tư khác.
- Thủ tục hành chính và kiểm soát còn phiền hà, còn quá nhiều cơ quan cùng tham gia quản lý hành chính.
- Thể chế chính sách thiếu nhất quán, không thống nhất tư duy phát triển đã cản trở ý tưởng mạnh bạo thử nghiệm

Phân tích thất bại của đặc khu kinh tế ở Ấn Độ

Tính đến hết năm 2014, ở Ấn độ có 564 khu kinh tế được phê chuẩn nhưng chỉ có 192 đi vào xây dựng và hoạt động.

Theo thống kê, Chính sách thuế là một điều kiện thiết yếu làm cho môi trường thuận lợi cho đầu tư, dù trong nước hay nước ngoài. Chính vì vậy, việc đánh thuế ở các đặc khu kinh tế là một trở ngại cho các chương trình SEZ.

Các nhà kinh tế Ấn độ cho rằng: Nhà sản xuất nên được phép bán hàng ở thị trường nội địa, mà không phải áp đặt xuất khẩu toàn bộ sản phẩm ấy. Do vậy không có thuế hải quan nên áp đặt trên giá trị gia tăng nội địa. Trong khi đó, Ấn độ đã ký một số hiệp định FTA với các nước như Sri Lanka, Nhật Bản và ASEAN, điều này làm thuế nhập khẩu đã được giảm xuống gần bằng 0 cho một số dòng sản phẩm. Tác động này làm cho sản phẩm của SEZs được đánh thuế và mức giá sẽ cao hơn. Tuy nhiên, việc đánh thuế không phải là nguyên nhân duy nhất cản trở các đặc khu kinh tế.

Dù đã đưa ra hơn 300 ưu đãi cho sản xuất ở SEZs nhưng tăng trưởng trong sản xuất tăng không đáng kể. Do vậy, cần khuyến khích quan tâm đến đánh giá và nghiên cứu kỹ lưỡng.

Ưu đãi không phải lí do duy nhất cho các nhà đầu tư trong SEZs, thành công còn phụ thuộc vào các biện pháp tại thuận lợi cho doanh nghiệp thông qua. Vị trí, cơ sở hạ tầng, chuỗi logistics và bộ máy quản lý chuyên nghiệp là bốn yếu tố quan trọng quyết định thành công của các đặc khu. Mà ở Ấn Độ là thiếu thốn, chẳng hạn như: cơ sở hạ tầng, điện, đường giao thông, bến cảng...

Một lý do lớn cũng được đưa ra từ việc các đặc khu kinh tế thất bại là việc thiếu được sự hỗ trợ từ cơ sở hạ tầng bên ngoài. Các đặc khu kinh tế Ấn độ không được kết nối với các bến cảng, sân bay tầm cỡ và đẳng cấp quốc tế, với cơ quan Hải quan cần hoạt động theo cơ chế thuận lợi nhất theo thông lệ quốc tế để thúc đẩy thương mại.

Một ví dụ rõ ràng hơn là ở khu thương mại tự do Calabar Nigeria. Đây là khu thương mại tự do được hình thành năm 1992, hoàn thiện năm 1999, và bắt đầu hoạt động sau năm 2001. Các dự án triệu đô nằm trên 220ha đã thất bại trong thu hút đầu tư. Lý do là từ phía Chính phủ Nigeria đã không chọn được một cách thức kinh doanh và quản lý hợp lý. Thành phố Calabar nằm ở ven biển đông nam Nigeria gần biên giới Cameroon. Tuy nhiên, nó không nằm dọc theo bất kỳ tuyến đường vận tải biển lớn, cũng không kết nối với bất kỳ đường cao tốc chính của đất nước. Tuy vậy Chính phủ Nigeria vẫn tiếp tục phát triển và vận hành khu thương mại tự do Calabar này. Việc cung cấp điện vẫn còn thất thường, các công ty phải dựa vào máy phát điện diesel hầu hết thời gian. Thiếu nạo vét kênh sông Calabar cũng đã ảnh hưởng các khu vực buộc các công ty phải dựa vào các Cảng khác để nhập khẩu và xuất khẩu.

2.1. Chính sách cho SEZs tại Việt Nam

2.1.1. Thực trạng SEZs tại Việt Nam

	Vân Đồn (Quảng Ninh)	Vân Phong (Khánh Hòa)	Phú Quốc (Kiên Giang)
Giới thiệu chung	<p>-18/2/2009 theo thông tư số 1296/QĐ-TTg thủ tướng chính phủ quyết định về phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Vân Đồn đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030</p> <p>- Mục tiêu: trở thành một trung tâm du lịch sinh thái biển đảo chất lượng cao và dịch vụ cao cấp, đồng thời là trung tâm hàng không, đầu mối giao thương quốc tế, thúc đẩy phát triển kinh tế ở Quảng Ninh.</p>	<p>- Thành lập theo Quyết định 92/2006/QĐ-TTg; Được phê duyệt, điều chỉnh quy hoạch chung tại Quyết định 51/2005/QĐ-TTg 11/3/2005 và Quyết định 380/QĐ-TTg 17/3/2014</p> <p>- Chức năng : khu kinh tế tổng hợp đa ngành, đa lĩnh vực trong đó Cảng trung chuyển quốc tế, công nghiệp lọc hóa dầu, trung chuyển dầu mỏ và sản phẩm dầu mỏ giữ vai trò chủ đạo, kết hợp phát triển kinh tế du lịch, dịch vụ, công nghiệp, nuôi trồng hải sản và các ngành kinh tế khác</p>	<p>-Thành lập theo quyết định số 31/2013/QĐ-TTg có hiệu lực từ 10/7/2013</p> <p>- Khu kinh tế Phú Quốc là một khu kinh tế ven biển của Việt Nam. Đây là một trong 6 khu kinh tế được chính phủ Việt Nam ưu tiên đầu tư từ nay đến năm 2020. Khu kinh tế này bao trùm toàn bộ huyện đảo Phú Quốc</p>

<p>Các chính sách</p>	<p>- Theo thông tư số 2428/QĐ-TTg (1/2015): Ngoài các ưu đãi đầu tư theo quy định hiện hành, SEZ Vân Đồn được áp dụng các cơ chế, chính sách đặc thù như: ưu tiên huy động vốn ODA để đầu tư cho một số dự án kết cấu hạ tầng quan; Được vay lại nguồn vốn vay nước ngoài của Chính phủ để thực hiện các dự án cảng du lịch, bến du thuyền thuộc nhiệm vụ của ngân sách địa phương đầu tư. Việc cho vay lại, quản lý và sử dụng nguồn vay lại, hoàn trả vốn vay thực hiện theo quy định hiện hành.</p>	<p>Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (Nghị định 218/2013/NĐ-CP): Thuế suất Thu nhập của doanh nghiệp thực hiện dự án đầu tư mới là 10% trong 15 năm, được miễn thuế 04 năm và giảm 50% số thuế phải nộp cho 09 năm tiếp theo kể từ năm đầu tiên doanh nghiệp có thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư được hưởng ưu đãi thuế.</p> <p>Thuế thu nhập Cá nhân (Thông tư 176/2009/TT-BTC Ngày 09/09/2009): Giảm 50% Thuế thu nhập đối các cá nhân làm việc tại khu kinh tế.</p> <p>Thuế Nhập khẩu (Nghị định số 87/2010/NĐ-CP ngày 13/8/2010): Miễn thuế nhập khẩu 5 năm từ ngày bắt đầu sản xuất đối với nguyên liệu, vật tư, linh kiện trong nước chưa sản xuất được nhập khẩu để sản xuất trừ các dự án và các mặt hàng được quy định tại Nghị định số 87/2010/NĐ-CP.</p>	<p>Nhà đầu tư có dự án đầu tư vào đảo Phú Quốc được hưởng ưu đãi và hỗ trợ đầu tư theo mức cao nhất quy định tại Nghị định số 29/2008/NĐ-CP 14/3/2008 của Chính phủ về khu kinh tế.</p> <p>Các dự án hoạt động, sản xuất kinh doanh sẽ được hưởng thuế suất 10% trong 15 năm từ khi bắt đầu kinh doanh. Từ khi có thu nhập chịu thuế, dự án sẽ được miễn thuế 4 năm đầu, giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo. Các loại hàng hóa, tài sản được hưởng ưu đãi về thuế xuất nhập khẩu</p> <p>Về việc xuất nhập cảnh: cho phép người nước ngoài, người Việt Nam mang hộ chiếu nước ngoài cư trú tại đảo Phú Quốc được miễn thị thực với thời gian tạm trú tối đa 30 ngày (tăng gấp đôi số ngày trước đây.)</p> <p>-Được ưu tiên vốn đầu tư cho các công trình hạ (Theo Quyết định số 80/2013/QĐ-TTg)</p>
------------------------------	--	---	--

<p>Kết quả đạt được</p>	<p>1. Dự án tuyến đường trục chính nối các khu chức năng chính KKT Vân Đồn (Quảng Ninh) có tổng mức đầu tư gần 1.000 tỷ đồng vừa được khởi công giai đoạn I.</p> <p>2. Cảng hàng không Quảng Ninh nằm tại khu kinh tế Vân Đồn sẽ được xây dựng theo hình thức BOT với tổng mức đầu tư dự kiến gần 7.500 tỷ đồng</p>	<p>Trước 2006:</p> <p>1. Thu hút 18 dự án đầu tư (6 trong nước + 12 dự án nước ngoài)</p> <p>2. Tổng vốn đầu tư : 431 triệu USD</p> <p>Từ 2006- nay:</p> <p>1. Thu hút thêm 121 dự án mới (101 trong nước và 20 dự án nước ngoài)</p> <p>2. Tổng số vốn đầu tư : 12,3 tỷ USD</p> <p>=> Tăng gấp gần 7 lần về số dự án đầu tư và tăng gấp 30 lần số vốn đăng ký</p>	<p>- Đã thu hút 200 dự án đầu tư với tổng diện tích 8.768 ha. Trong đó, 112 dự án được cấp giấy chứng nhận đầu tư với diện tích 4.850 ha với tổng vốn đầu tư hơn 135.000 tỷ đồng; có 18 dự án hoàn thành và đi vào hoạt động, tổng vốn đầu tư 6.849 tỷ đồng; 16 dự án đang triển khai xây dựng, các dự án còn lại đang hoàn thiện thủ tục đầu tư.</p> <p>- Theo báo cáo của Kiên Giang, GDP của Phú Quốc hàng năm tăng hơn 22%, thu nhập bình quân đầu người năm 2013 ước đạt 70,3 triệu đồng, tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 14% năm 2004 xuống còn dưới 2% năm 2013.</p>
<p>Khó khăn, hạn chế</p>	<p>Hệ thống pháp luật về SEZs còn nhiều bất cập, chưa hoàn thiện, thiếu hướng dẫn, chưa thống nhất với các luật chuyên ngành</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cơ sở hạ tầng KKT Vân Phong vẫn còn yếu kém, vốn đầu tư còn hạn chế nên chưa thể triển khai đồng bộ nhiều dự án hạ tầng phục vụ KKT. - Cải cách thủ tục hành chính về đầu tư bước đầu đã có một số chuyển biến tích cực nhưng vẫn chưa tạo được sự đột phá. Thủ tục đất đai để triển khai dự án hiện nay còn khá phức tạp, nhiều thủ tục, mất nhiều thời gian để hoàn thành gây không ít khó khăn cho các nhà đầu tư. - Việc giải phóng mặt bằng trong KKT đã đạt được những kết quả bước đầu nhưng vẫn còn phức tạp, mất nhiều thời 		

2.1.2. Phản hồi chính sách

Ý kiến của các lãnh đạo, chuyên gia:

- Ông Phạm Minh Chính – Bí thư tỉnh ủy Quảng Ninh: “Trước hết, phải có một thể chế cạnh tranh cả về kinh tế và về hành chính. Thứ hai, là phải xác định được ngành nghề như thế nào để phù hợp với tiềm năng khác biệt, lợi thế cạnh tranh cũng như những thuận lợi của đặc khu kinh tế nếu chúng ta xây dựng. Thứ ba, là làm sao tạo được một nguồn nhân lực đáp ứng được yêu cầu.”
- Ông Nguyễn Thanh Sơn – Bí thư tỉnh ủy Kiên Giang: “Khi thành lập đặc khu chúng tôi cũng rất hy vọng bằng những văn bản luật hóa sẽ tạo ra hành lang pháp lý hết sức thông thoáng, thống nhất, bền vững và thông qua hành lang này thì chúng ta sẽ tạo ra được nhiều cơ chế, chính sách có thể nói là vượt trội ưu đãi để đủ sức cạnh tranh.”
- Theo Phó Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Thị Kim Ngân khẳng định: “Việc xây dựng các đặc khu kinh tế đã và sẽ là xu thế tất yếu để tạo thành những động lực kinh tế cho đất nước, Quốc hội sẽ sớm xây dựng thông qua luật khung về đặc khu kinh tế. Trên cơ sở đó xây dựng ban hành các thể chế hành chính và kinh tế có sự cạnh tranh với các đặc khu khác đã hình thành trên thế giới.”
- TS. Nguyễn Đức Thành - Giám đốc Trung tâm nghiên cứu kinh tế và chính sách ĐHQGHN: Không có gì là muộn vì Việt Nam mới cải cách trong vài chục năm, nếu chúng ta không làm được ngay với sự quyết tâm ngay từ đầu như Thái Lan thì làm sau cũng không sao cả. Tất nhiên là nếu có một đơn vị, một khu vực đã thử thành công rồi thì tốt, về mặt lý tưởng thì rất cần có đặc khu kinh tế, nếu thành công thì rất mừng.
- GS. Augustine Hà Tôn Vinh : “Chúng ta không chậm vì chúng ta có thể học hỏi được nhiều nơi trên thế giới và tăng khả năng thành công lên, tránh được phần thất bại. Ba yếu tố trong đặc khu Việt Nam: *Thứ nhất*, như chúng ta vừa nói ở thể chế chính là khung pháp lý. *Thứ hai*, là cam kết chính phủ chắc chắn nhà đầu tư k thể nào vào nơi “đồng không” được, họ sẽ vào những nơi có thể sống, có thể phát triển được. *Thứ ba*, là lộ trình rõ rệt, tôi thấy ở Việt Nam, chúng ta thường mời các nhà đầu tư và họ sẵn sàng họ đến nhưng mà họ nghe và họ không thấy rằng Việt Nam có một sự cam kết bằng lộ trình rõ rệt.”

CHƯƠNG 3 : ĐỀ XUẤT, GIẢI PHÁP CHO VIỆT NAM

3.1. Đối với Nhà nước

- *Cần thiết phải có một cơ quan chuyên môn làm đầu mối để phối hợp với các Bộ, ngành trong việc nghiên cứu, đề xuất những vấn đề liên quan.*

Hiện nay, chính phủ đã có cơ quan chuyên môn theo dõi, quản lý các khu công nghiệp, khu công nghệ cao. Đây là một thuận lợi rất lớn cho sự hình thành một cơ quan chuyên quản lý các vấn đề về đặc khu. Nhà nước có thể xem xét việc thành lập riêng một bộ phận chuyên trách trên cơ sở tách từ các cơ quan quản lý khu công nghiệp hoặc cũng có thể bố trí sắp xếp để các cơ quan này phụ trách luôn các công việc của đặc khu trong thời gian đầu nghiên cứu thành lập.

- *Lựa chọn địa điểm xây dựng phù hợp trên cơ sở xác định rõ thực trạng kinh tế và điều kiện tự nhiên từng vùng lãnh thổ.*

Hội nghị trung ương 8 đã chọn ba khu kinh tế tiêu biểu để ‘nâng cấp’ thành đặc khu kinh tế là Vân Đồn (Quảng Ninh), Phú Quốc (Kiên Giang) và Vân Phong (Khánh Hòa). Vân Đồn tiếp giáp với Vịnh Hạ Long, được UNESCO công nhận là “di sản văn hóa thế giới” và gần kề Hải Phòng, cảng biển hàng đầu của miền Bắc Việt Nam. Bắc Vân Phong là một phần của Vịnh nước sâu Cam Ranh, có thể đóng vai trò như là một trung tâm công nghiệp chiến lược quan trọng để phân phối năng lượng cho miền Trung. Và Phú Quốc, một công nhận khác của UNESCO, có thể trở thành một điểm du lịch lớn và là một trung tâm quốc gia để giới thiệu nuôi trồng thủy sản Việt Nam.

Đúc kết kinh nghiệm từ những SEZs thành công, có thể nhận ra điều: việc xem xét và nhận định rõ điều kiện tự nhiên và điều kiện kinh tế xã hội của các vùng trước khi lập dự án thử nghiệm mô hình SEZs là rất quan trọng và cần thiết. Ngoài những nhiệm vụ như thu hút công nghệ và kinh nghiệm quản lý hiện đại, tăng cường xuất khẩu thu ngoại tệ, SEZs còn có một nhiệm vụ khác, đó là làm động lực cho các khu vực xung quanh cùng phát triển, góp phần khai thác tiềm năng vốn có của tỉnh, thành phố nơi xây dựng đặc khu. Chính vì thế, chính phủ cần tiến hành khảo sát tình hình cụ thể, nắm vững thế mạnh của từng địa phương, từ đó đưa ra danh sách những nơi có điều kiện áp dụng mô hình SEZs.

- *Xây dựng hành lang pháp lý thống nhất và ban hành hệ thống những chính sách ưu đãi để tạo một môi trường đầu tư hấp dẫn và hiệu quả.*

Ở Việt Nam, chính phủ nước ta đã ban hành một số Nghị định nhằm khuyến khích và đảm bảo hoạt động đầu tư của nước ngoài tại Việt Nam với những quy định thông thoáng hơn, ưu đãi nhiều hơn cho các doanh nghiệp nước ngoài, tạo điều kiện thuận lợi về mặt pháp lý cho quá trình đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên, hệ

thống pháp luật này còn chưa đồng bộ, quan trọng hơn là giữa ý tưởng của pháp luật và thực hiện trong thực tế còn có khoảng cách.

Thực tiễn mô hình SEZs ở Trung Quốc cho thấy rằng, trong suốt quá trình xây dựng, chính phủ Trung Quốc luôn quán triệt nguyên tắc “Không cho tiền, chỉ cho chính sách”, tức là chính phủ không đầu tư vốn để hỗ trợ cho hoạt động sản xuất và xuất khẩu, mà chỉ tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động kinh tế thông qua những chính sách ưu đãi, như ưu đãi về thuế, phí sử dụng đất, thời hạn miễn giảm thuế... Vì tương lai của một khu kinh tế đặc biệt sẽ xuất hiện nay mai trên đất nước Việt Nam, ngay từ hôm nay chính phủ phải có kế hoạch hoàn thiện toàn diện hệ thống pháp lý, tạo môi trường ưu đãi thuận lợi cho các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài, trước mắt là làm lợi cho hoạt động của các khu công nghiệp về lâu dài là phục vụ cho một mô hình SEZs mang đặc trưng Việt Nam.

3.2. Đối với các địa phương

- *Chuẩn bị lực lượng lao động địa phương có tay nghề cao.*

Một trong những vai trò của SEZs là tạo công ăn việc làm cho người lao động, giải quyết tốt vấn đề thất nghiệp ở địa phương. Trong các SEZs của Trung Quốc, ngoài lao động địa phương, còn có một số lượng không nhỏ là người lao động đến từ các tỉnh khác. Lực lượng lao động này hầu hết là lao động phổ thông, nhưng họ có trình độ chuyên môn vững vàng, biết sử dụng máy móc công nghệ tiên tiến. Đó là nhờ vào nhận thức đúng đắn của chính quyền các đặc khu về vai trò của nguồn nhân lực, từ đó có chiến lược đào tạo nhân lực có tay nghề cao.

Trong tương lai, xu hướng đầu tư vào KCN sẽ tập trung vào các ngành như : điện máy, điện tử, hoá chất, cơ khí chính xác, viễn thông. Nhu cầu về lao động có tay nghề cao là điều tối thiểu trong tuyển dụng. Chính vì vậy, các địa phương cần có chiến lược đào tạo lao động trình độ cao ngay từ hôm nay.

- *Trong quá trình xúc tiến quy hoạch những khu vực được chọn để xây dựng Đặc khu kinh tế, các địa phương cần làm tốt vấn đề giải phóng mặt bằng.*

Trong mô hình SEZs ở Trung Quốc thì việc giải phóng mặt bằng rất đơn giản, không mất nhiều thời gian. Còn thực tế xây dựng các KCN, KCX ở Việt Nam thì công tác quy hoạch luôn gặp khó khăn, gây phiền hà cho các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài trong việc xây dựng cơ sở hạ tầng, thành lập doanh nghiệp.

Nguyên nhân chủ yếu là do chủ đầu tư thiếu vốn để đền bù. Thêm vào đó là do nguyên nhân ở chính bản thân người dân đang sinh sống trên mảnh đất được quy hoạch: thủ tục nhà đất rắc rối, lối sống văn hoá nông thôn Việt Nam nên người dân ngại thay đổi môi trường sống. Điều này đã dẫn đến tình trạng một số người nhất quyết không chịu di dời, gây ảnh hưởng đến tiến độ giải phóng mặt bằng.

Để khắc phục vấn đề trên, chính quyền địa phương cần đưa ra những chính sách đền bù hợp tình, hợp lý, để không tốn nhiều thời gian và tiền bạc của các nhà đầu tư, đồng thời cũng khiến người dân yên tâm tái định cư ở nơi ở mới. Các địa phương có thể thành lập một đội ngũ tuyên truyền viên giàu kinh nghiệm và nhiệt tình, đến từng hộ dân giúp họ hiểu rõ lợi ích trước mắt và lâu dài của SEZs – mô hình sẽ được xây dựng nay mai trên chính mảnh đất của họ.

- *Xây dựng hệ thống chính sách ưu đãi thu hút đầu tư cho địa phương mình.*

Trong cơ cấu tổ chức hành chính tập trung như ở Việt Nam hiện nay, việc chính quyền địa phương xây dựng chính sách khuyến khích thu hút đầu tư cho riêng mình là điều không đơn giản. Hầu hết các vấn đề khó khăn vướng mắc đều nằm ở các lĩnh vực đất đai, thuế má, tài chính..., mà những vấn đề này lại lệ thuộc vào chính sách chung của Trung ương hoặc phải thực hiện theo luật chung của cả nước. Tuy vậy, bằng sự nỗ lực và khéo léo của mình, nhiều địa phương đã xây dựng được những biện pháp thích ứng, vừa phù hợp với quy định của pháp luật, vừa tạo ra sự hấp dẫn đối với các nhà đầu tư hơn là những địa phương khác. Ngoài ra, những biện pháp và chính sách khuyến khích đang được thi hành ở các địa phương đều được thực hiện trên cơ sở một Quyết định của UBND. Vì thế, sự quan tâm và chỉ đạo của UBND cũng như sự phối hợp đồng bộ giữa các cơ quan chức năng trên địa bàn tỉnh, thành phố là một tiền đề quan trọng trong quá trình xây dựng các biện pháp khuyến khích thu hút đầu tư.

- *Quan tâm nghiên cứu vấn đề môi trường cho những vùng được quy hoạch xây dựng Đặc khu kinh tế.*

Quá trình công nghiệp hóa hiện đại hóa đã làm cho nền kinh tế nước ta có những bước phát triển vượt bậc. Sự ra đời của các KCN, KCX đánh dấu bước phát triển mới của nền công nghiệp non trẻ của nước ta. Song hiện nay, ô nhiễm môi trường do công nghiệp gây ra đang là mối lo không chỉ của riêng các cấp lãnh đạo Nhà nước mà nó đã trở thành vấn đề cần được chính các địa phương giải quyết.

Đứng trước tình trạng ô nhiễm môi trường đang diễn ra hết sức nghiêm trọng tại những khu vực có các KCN, KCX hoạt động, các địa phương cần có sự nghiên cứu kỹ lưỡng những phương án xử lý các loại chất thải trước khi xây dựng SEZs. Bên cạnh đó chính quyền địa phương cũng nên đề ra khung hình phạt đối với những doanh nghiệp vi phạm vào quy định bảo vệ môi trường cũng như gây ô nhiễm môi trường trong khu, đồng thời xử lý nghiêm khắc những doanh nghiệp không chấp hành đúng quy định này.

3.3. Đối với các doanh nghiệp

- *Các doanh nghiệp cần chú trọng công tác giáo dục đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn cho cán bộ quản lý, nâng cao kỹ thuật tay nghề cho đội ngũ công nhân.*

Hiện nay, mặt bằng chung về trình độ trong các doanh nghiệp Việt Nam còn ở mức trung bình, chưa có gì vượt trội so với các nước trong khu vực. Thực tiễn hoạt động ở các SEZs của Trung Quốc cho thấy rằng, hầu hết các nhà đầu tư trong đặc khu đều đến từ các nước tư bản phát triển, nơi mà trình độ quản lý và trình độ chuyên môn đã đạt đến mức xuất sắc. Không có gì khác hơn là mỗi doanh nghiệp ngoài vấn đề tập trung kinh doanh, phải có kế hoạch bồi dưỡng nâng cao trình độ quản lý và trình độ chuyên môn cho cán bộ công nhân viên của mình. Đây đã trở thành vấn đề nóng cần được các doanh nghiệp giải quyết ngay càng sớm càng tốt chứ không thể trông chờ vào sự hỗ trợ của Nhà nước hay địa phương. Sự ra đời của SEZs sẽ được sự phê chuẩn đồng ý của Trung ương, được sự giúp đỡ của tỉnh, thành phố, nhưng những tế bào của SEZs lại chính là các doanh nghiệp. Cho dù khoảng cách về trình độ có xa đến mấy thì doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp nước ngoài sẽ cùng tồn tại trong một môi trường, cùng kinh doanh và cùng cạnh tranh một cách bình đẳng. Chính vì vậy, để không bị bất ngờ, các doanh nghiệp không có cách nào hơn là phải tự hoàn thiện yếu tố con người, không ngừng cập nhật những kiến thức mới về kinh doanh, đầu tư, đối tác, thị trường để chuẩn bị cho những tình huống sẽ đến trong tương lai.

-Năng động, sáng tạo trong việc tìm kiếm phương thức kinh doanh mới, nâng cao uy tín, quảng bá thương hiệu của mình.

Trước sự cạnh tranh gay gắt của cơ chế mở cửa hiện nay, doanh nghiệp nào thực sự năng động mới mong tồn tại được lâu dài. Một xu thế tiêu cực trong những năm gần đây là, một số doanh nghiệp Nhà nước do không thích ứng được với phương thức làm ăn mới nên bị thua lỗ dẫn đến phá sản, hàng loạt doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn tự thành lập nên rồi cũng phải đóng cửa sau một thời gian ngắn.

Để đón nhận một mô hình SEZs, các doanh nghiệp Việt Nam cần có sự chuẩn bị kỹ càng về nhiều mặt, vì cùng với sự xuất hiện của SEZs là sự có mặt của rất nhiều các nhà đầu tư nước ngoài. Nếu chúng ta không vận động trước khi phải đối mặt trực tiếp với những khó khăn này thì chúng ta sẽ sớm bị thất bại. Cho dù SEZs vẫn chỉ là mô hình còn nằm trên giấy đối với nền kinh tế Việt Nam, và còn cần nhiều sự tham khảo nghiên cứu của các nhà nghiên cứu chiến lược phát triển của đất nước, nhưng sự cạnh tranh và những thách thức đặt ra với các doanh nghiệp trong nước thì đã và đang tồn tại từ khi Việt Nam thực hiện mở cửa vào năm 1986. Một số doanh nghiệp đã lựa chọn phương thức kinh doanh qua Internet, thông qua mạng thông tin toàn cầu này nâng cao uy tín doanh nghiệp, quảng bá thương hiệu sản phẩm, tìm kiếm đối tác kinh doanh. Có thể nói rằng, cho đến nay đã có rất nhiều sản phẩm của chúng ta tìm được chỗ đứng trên thị trường thế giới.

KẾT LUẬN

Trong điều kiện phát triển kinh tế đa dạng và có sự cạnh tranh gay gắt như hiện nay thì việc hợp tác và hội nhập với thị trường quốc tế là xu hướng của thời đại. Việc phát triển khu kinh tế tự do không chỉ đơn thuần theo mô hình khu thương mại hoặc khu công nghiệp mà cần thiết hình thành những mô hình mới, có yêu cầu, có mục đích cao hơn, phát triển toàn diện ở một khu vực lãnh thổ nhất định để phát huy tính đa dạng, tự do trong sản xuất và kinh doanh đối ngoại. Mô hình đặc trưng theo kiểu này là SEZs. Với đặc thù của khu kinh tế tự do, tại SEZ có một cơ chế luật –kinh tế rất thuận lợi, hấp dẫn các nhà đầu tư cả trong và ngoài nước.

Với quy mô như một xã hội thu nhỏ, một cơ cấu kinh tế đa ngành phong phú, các nhà đầu tư có thể tự do lựa chọn hình thức và quy mô đầu tư vào SEZs. SEZs coi trọng sự tự do và bình đẳng trong kinh doanh giữa các doanh nghiệp, đó là một môi trường kinh doanh tự do, tuân theo các quy luật của nền kinh tế thị trường. Trong quá trình công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước, SEZs được coi là cửa ngõ của đất nước với thị trường thế giới, là nơi kết hợp tốt nhất các nguồn lực trong nước với các yếu tố quốc tế để thúc đẩy phát triển kinh tế, công nghiệp hóa hướng về xuất khẩu. SEZs có mối liên hệ chặt chẽ với các vùng lãnh thổ khác. SEZs được thành lập không chỉ vì lợi ích của bản thân nó mà còn vì sự phát triển chung của cả đất nước. Chúng là một phần quan trọng trong chiến lược mở cửa nền kinh tế. Việt Nam trong thời kỳ mở cửa hiện nay, để phát triển kinh tế, đẩy nhanh quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, Việt Nam hoàn toàn có thể xây dựng các Đặc khu kinh tế.

Song, sự khác biệt về điều kiện tự nhiên và điều kiện kinh tế xã hội khiến chúng ta không thể rập khuôn mô hình Đặc khu kinh tế của Trung Quốc hay của Dubai, mà phải nghiên cứu những kinh nghiệm của họ để từ đó tìm ra hướng đi của riêng mình, xây dựng một mô hình Đặc khu kinh tế mang màu sắc Việt Nam. Điểm nhấn quan trọng trong với Việt Nam chính là bài học rút ra quan trọng trong việc xây dựng, phát triển các SEZs là phải có những sáng tạo, đột phá dũng cảm và các chính sách, thể chế của Đảng và chính quyền phải rõ ràng, minh bạch, thống nhất.

Bài nghiên cứu của nhóm chỉ dừng lại ở những phân tích định tính mà không có yếu tố định lượng. Cũng phải kể tới nguyên nhân là do Việt Nam mới bước đầu hình thành những đặc khu kinh tế nên chưa có kết quả rõ ràng để phân tích.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. PGS. TS. Nguyễn Thường Lạng, “Cần một thể chế đặc biệt cho đặc khu kinh tế”, Đại học Kinh tế Quốc dân.
2. PGS. TS. Võ Đại Lộc. “Luận bàn về xây dựng khu kinh tế ở Việt Nam”, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội.
3. ThS. Phan Minh Mẫn (8/2012) “Giới thiệu một số mô hình kinh tế: Quan điểm xây dựng và phát triển khu kinh tế ở Việt Nam hiện nay”, Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Đại học Đông Á.

Tiếng Anh

4. Eingereicht von Claus Knoth (3/2000), “*Special Economic Zones and Economic Transformation: The Case of the People's Republic of China*”, PhD thesis, Department of Economics, University of Konstanz, pp. 78 – 84, pp. 153 – 161, pp. 219 – 234.
5. J. Zhu, “*Changing land policy and its impact on local growth: the experience of the Shenzhen Special Economic Zone, China, in the 1980s*” Urban Studies, 31(10), pp.1611-1623, 1994.
6. P. Pakdeenurit, N. Suthikarnnarunai Member, IAENG, and W. Rattanawong, (3/2014), “*Key Success Factor of Special Economic Zone for Thailand*”, Proceedings of the International MultiConference of Engineers and Computer Scientists 2014 Vol II, IMECS 2014, Hong Kong.
7. T. Farole, “*Special Economic Zones Performance, policy and practice- with a focus on Sub-Saharan Africa*”, International Trade Department, The World Bank, Washington D.C, 2011.
8. T. Farole, “*Special Economic Zones: What Have We Learned?*”, The World 2011.

Website

9. Khánh An (20/03/2014), “*Làm đặc khu kinh tế bằng tư duy toàn cầu*”, Báo Đầu tư điện tử, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.
<http://baodautu.vn/lam-dac-khu-kinh-te-bang-tu-duy-toan-cau-d1621.html>
10. Nguyễn Đức (20/03/2014), “*Đã đến lúc hình thành đặc khu kinh tế*”, Báo Đầu tư điện tử, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.
<http://baodautu.vn/da-den-luc-hinh-thanh-dac-khu-kinh-te-d1622.html>

11. Thanh Hà (20/03/2014), “*Xây dựng đặc khu kinh tế là chủ trương nhất quán*”, Báo Đầu tư điện tử, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

<http://baodautu.vn/xay-dung-dac-khu-kinh-te-la-chu-truong-nhat-quan-d15154.html>

12. Ishan Bakshi (4/12/2014), “*Why SEZs in India have failed*”, Business Standard.

http://www.business-standard.com/article/economy-policy/sezs-hobbled-by-taxes-infrastructure-114120300440_1.html?hc_location=ufi

cuu duong than cong. com

cuu duong than cong. com